

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định mức hỗ trợ phát triển cánh đồng lớn,
gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã và Thông tư số 173/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2006/TT-BTC, ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Công văn số 2103/BTC-NSNN ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 129/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển cánh đồng lớn, gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ phát triển cánh đồng lớn, gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với thủ trưởng các sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định về chính sách phát triển cánh đồng lớn, gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *nhc*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB);
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VPUB: CVP và các PCVP;
- Công TTĐT, Công báo tỉnh;
- Lưu VT, P.KTN (Tâm, Nhã) *8/1*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *nhc*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Anh Tuấn

QUY ĐỊNH

**Mức hỗ trợ phát triển cánh đồng lớn, gắn sản xuất với
tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

*(Kèm theo Quyết định số 24 /2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc hỗ trợ

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển cánh đồng lớn, gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản thuộc các Phương án cánh đồng lớn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp có hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là tổ chức đại diện của nông dân) hoặc hộ gia đình, cá nhân, trang trại (gọi chung là nông dân).

b) Tổ chức đại diện của nông dân có hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với doanh nghiệp hoặc nông dân.

c) Nông dân tham gia hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn với doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn mức chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Phương án cánh đồng lớn là phương án phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn do doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân xây dựng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản là hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn (sau đây gọi là hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản) được ký kết giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân; giữa tổ chức đại diện của nông dân với nông dân.

Chương II

QUY MÔ DIỆN TÍCH, TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG ÁN CÁNNG ĐỒNG LỚN

Điều 3. Quy mô diện tích cánh đồng lớn

1. Đối với cây lúa diện tích tối thiểu là 50 ha liền thửa.
2. Đối với cây ăn quả diện tích tối thiểu là 30 ha, không nhất thiết liền thửa nhưng diện tích liên kết sản xuất phải từ 3ha trở lên và nằm trong cùng một vùng sản xuất chuyên canh tập trung.
3. Đối với rau màu diện tích tối thiểu là 15 ha không liền thửa, nhưng diện tích liên kết sản xuất phải từ 5,0 ha trở lên và nằm trong cùng một vùng sản xuất chuyên canh tập trung.

Điều 4. Tiêu chí cánh đồng lớn

1. Tiêu chí bắt buộc

a) Phù hợp với quy hoạch của địa phương về: Phát triển kinh tế - xã hội; sử dụng đất; tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp; nông thôn mới và các quy hoạch khác.

b) Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất được thống nhất giữa các bên tham gia liên kết, phù hợp với loại cây trồng và đảm bảo phát triển bền vững.

c) Có ít nhất một trong các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng sau đây:

- Liên kết giữa doanh nghiệp tiêu thụ - doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào với tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân;
- Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với nông dân;
- Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của nông dân;
- Liên kết sản xuất giữa tổ chức đại diện của nông dân với nông dân.

(Mẫu hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo Phụ lục 1 của Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT)

d) Quy mô diện tích của cánh đồng lớn: Được quy định tại Điều 3 của Quyết định này.

2. Tiêu chí khuyến khích

a) Có hạ tầng kinh tế như hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, điện và những công trình phục vụ sản xuất khác đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và từng bước cải thiện theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung.

b) Quy mô lớn tập trung và áp dụng cơ giới hóa đồng bộ; công nghệ tiên tiến (sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, VietGAP, Global GAP...) và có cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến nông sản gần nơi sản xuất.

Điều 5. Phương án cánh đồng lớn

1. Chấp thuận chủ trương xây dựng Phương án cánh đồng lớn

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân có nhu cầu tham gia liên kết trong cánh đồng lớn, có đơn đề nghị xây dựng Phương án cánh đồng lớn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin ý kiến chấp thuận theo địa chỉ Chi cục Phát triển nông thôn, địa chỉ: số 89, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (mẫu đơn theo phụ lục 2).

2. Xây dựng Phương án cánh đồng lớn

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Hồ sơ thẩm định, phê duyệt Phương án cánh đồng lớn

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 5 của Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Quy trình, thẩm quyền phê duyệt

Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 5 của Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân nộp trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện 07 bộ hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn, địa chỉ: số 89, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan thẩm định Phương án cánh đồng lớn và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Văn bản trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Phương án cánh đồng lớn.

Chương III NỘI DUNG VÀ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ đối với doanh nghiệp

Hỗ trợ 50% kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng (Điểm d, Khoản 1, Điều 4 Quyết định 62/2013/TTg). Lớp tập huấn được tổ chức tại xã, 1 ngày/lớp/vụ với số lượng từ 30-50 học viên/lớp. Mức hỗ trợ cụ thể:

a) Hỗ trợ văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học 15.000 đồng/người/bộ tài liệu.

b) Chi nước uống cho học viên: 15.000 đồng/người/ngày.

c) Thuê hội trường: 150.000 đồng/ngày/lớp đối với lớp tập huấn tổ chức tại xã.

d) Thù lao cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật: Đối với người dạy nghề (cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề lao động nông thôn) được

trả tiền công giảng dạy với mức 12.500 đồng/giờ; người dạy nghề là các tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên được trả tiền công giảng dạy với mức 150.000 đồng/buổi.

e) Hỗ trợ tiền ăn cho học viên: 12.500 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại cấp xã.

2. Hỗ trợ đối với tổ chức đại diện của nông dân

a) Hỗ trợ 30% năm đầu và 20% năm thứ 2 chi phí về thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên với định mức của ngành nông nghiệp (theo Điểm c, Khoản 1, Điều 5 Quyết định 62/2013/QĐ-TTg). Mức hỗ trợ cụ thể cho năm đầu và năm thứ 2:

- Đối với cây lúa: 1.200.000 đồng/ha trong năm đầu và 800.000 đồng/ha trong năm thứ 2.

- Đối với rau, củ, quả: 2.000.000 đồng/ha trong năm đầu và 1.300.000 đồng/ha trong năm thứ 2.

- Đối với cây ăn trái gồm xoài, thanh long, sầu riêng, vú sữa, cam, bưởi, khóm, sori, sậpô, nhãn, măng cầu xiêm: 2.000.000 đồng/ha trong năm đầu và 1.300.000 đồng/ha trong năm thứ 2.

b) Hỗ trợ 50% chi phí tập huấn, đào tạo một lần cho cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất (Điểm d, Khoản 1, Điều 5 Quyết định 62/2013/QĐ-TTg) do cấp huyện hoặc cấp tỉnh tổ chức. Mức hỗ trợ cụ thể:

- Hỗ trợ tiền ăn cho học viên: 35.000 đồng/ngày thực học/người.

- Hỗ trợ tiền nước uống cho học viên: 5.000 đồng/người/ngày.

- Hỗ trợ tiền tài liệu: 15.000 đồng/người/bộ tài liệu.

c) Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất nông sản theo hợp đồng (Điểm đ, Khoản 1, Điều 5 của Quyết định 62/2013/QĐ-TTg). Lớp tập huấn được tổ chức tại xã, 1 ngày/lớp/vụ với số lượng từ 30-50 học viên/lớp. Mức hỗ trợ cụ thể:

- Hỗ trợ văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học 30.000 đồng/người/bộ tài liệu.

- Chi nước uống cho học viên: 30.000 đồng/người/ngày.

- Thuê hội trường: 300.000 đồng/ngày/lớp đối với lớp tập huấn tổ chức tại xã.

- Thù lao cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật: Đối với người dạy nghề (cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề lao động nông thôn) được trả tiền công giảng dạy với mức 25.000 đồng/giờ; người dạy nghề là các tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên được trả tiền công giảng dạy với mức 300.000 đồng/buổi.

- Hỗ trợ tiền ăn cho học viên: 25.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại cấp xã.

3. Hỗ trợ đối với nông dân

a) Được tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật về sản xuất và thông tin thị trường miễn phí liên quan đến loại sản phẩm tham gia cánh đồng lớn (Điểm a, Khoản 1, Điều 6 Quyết định 62/2013/QĐ-TTg)

b) Hỗ trợ một lần 30% chi phí mua giống cây trồng có phẩm cấp chất lượng: rau màu (giống F1), cây ăn quả (cây giống có nguồn gốc rõ ràng), lúa (giống cấp xác nhận) để gieo trồng vụ đầu tiên trong Phương án cánh đồng lớn (Điểm b Khoản 1 Điều 6 của Quyết định 62/2013/QĐ-TTg), cụ thể như sau:

- Đối với cây lúa hỗ trợ: 600.000 đồng/ha.

- Đối với rau màu:

+ Hỗ trợ rau trồng bằng hạt: 850.000 đồng/ha.

+ Hỗ trợ rau trồng bằng thân, củ: 3.000.000 đồng/ha.

- Đối với cây ăn trái:

+ Xoài, vú sữa, bưởi, nhãn, sầu riêng, sạpô, măng cầu xiêm hỗ trợ: 1.800.000 đồng/ha.

+ Thanh long hỗ trợ: 4.800.000 đồng/ha.

+ Khóm hỗ trợ: 6.000.000 đồng/ha.

+ Cam, Sori hỗ trợ: 2.700.000 đồng/ha.

Đơn giá hỗ trợ các loại giống cây trồng được tính theo giá ghi trên hóa đơn mua giống tại thời điểm mua; trường hợp các doanh nghiệp cung ứng không đủ số lượng, chủng loại giống cây trồng, nông dân phải mua từ các hộ nông dân được phép sản xuất, kinh doanh giống cây trồng chất lượng cao (không có hóa đơn) thì căn cứ đơn giá giống cây trồng cùng loại ghi trên hóa đơn cung ứng của các doanh nghiệp khác cùng thời điểm để tính đơn giá hỗ trợ.

c) Hỗ trợ kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp (Điểm c, Khoản 1, Điều 6 Quyết định 62/2013/QĐ-TTg): Nông dân được ngân sách hỗ trợ 100% kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp trong trường hợp Chính phủ thực hiện chủ trương tạm trữ nông sản, thời hạn hỗ trợ tối đa là 3 tháng.

4. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối với doanh nghiệp: phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp phải có hợp đồng trực tiếp hoặc liên kết với các doanh nghiệp khác để cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất, gắn với mua nông sản của hộ nông dân hoặc tổ chức đại diện của nông dân trong dự án cánh đồng lớn.

- Có vùng nguyên liệu đảm bảo ít nhất 50% nhu cầu nguyên liệu và có hệ thống sấy, kho chứa, cơ sở chế biến bảo đảm yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo hợp đồng.

- Có phương án thực hiện các nội dung được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều 6 quy định này và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Đối với tổ chức đại diện của nông dân: Phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể như sau:

- Có hợp đồng và thực hiện cung ứng đầu vào cho sản xuất hoặc tổ chức sản xuất hoặc tiêu thụ nông sản cho các hộ thành viên và nông dân trên địa bàn.

- Có phương án thực hiện các nội dung được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Khoản 2 Điều 6 quy định này và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Đối với nông dân: Phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; cụ thể hộ nông dân cam kết thực hiện sản xuất và bán nông sản theo đúng hợp đồng đã ký và được cấp có thẩm quyền xác nhận.

Điều 7. Nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ cho tỉnh thông qua các chương trình, dự án trực tiếp và lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan; Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện chính sách và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa đối với cây lúa.

2. Sự nghiệp nông nghiệp.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương IV PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ

Điều 8. Đối với doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân

Thực hiện theo quy định tại Điểm a và Điểm b, Mục 2 Công văn số 2103/BTC-NSNN ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Khi xây dựng phương án cánh đồng lớn doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân lập phương án hỗ trợ kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất theo hợp đồng, hỗ trợ thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện bảo vệ thực vật chung cho các thành viên; hỗ trợ kinh phí tập huấn cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất; kinh phí hỗ trợ nông dân mua giống cây trồng để gieo trồng vụ đầu tiên trong phương án cánh đồng lớn theo quy định.

2. Trên cơ sở các chứng từ, bảng kê có ký nhận (đối với khoản chi hỗ trợ trực tiếp cho cá nhân) thực tế chi phí triển khai việc tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất theo hợp đồng, thực hiện bảo vệ thực vật chung cho các thành viên; chi phí hỗ trợ cán bộ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham dự tập huấn về quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất gửi sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Căn cứ vào phương án được phê duyệt, mức hỗ trợ theo quy định; trường hợp doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân đủ điều kiện hưởng ưu đãi hỗ trợ theo quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm c, Khoản 4, Điều

6 của Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân gửi các cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh. Căn cứ Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước chuyển tiền hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân.

Điều 9. Đối với nông dân

Thực hiện theo quy định tại Điểm b và Điểm c, Mục 2 Công văn số 2103/BTC-NSNN ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Đối với kinh phí hỗ trợ nông dân mua giống cây trồng để gieo trồng vụ đầu tiên trong phương án cánh đồng lớn và kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp trong trường hợp Chính phủ thực hiện chủ trương tạm trữ nông sản: Căn cứ các bản sao chứng từ, hoá đơn mua giống cây trồng, thuê kho của doanh nghiệp và biên bản nghiệm thu hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản ký giữa doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân với nông dân (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã việc thực hiện hợp đồng của nông dân), Phòng Kinh tế, Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện tổng hợp báo cáo, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ cho nông dân gửi các cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Kho bạc Nhà nước cấp huyện (nơi thực hiện Phương án cánh đồng lớn).

2. Căn cứ Quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và lịch cấp tiền hỗ trợ do Kho bạc Nhà nước cấp huyện thông báo, hộ nông dân đến Kho bạc Nhà nước cấp huyện làm thủ tục nhận tiền hỗ trợ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân về chủ trương xây dựng Phương án cánh đồng lớn, thẩm định trình phê duyệt Phương án cánh đồng lớn hoặc điều chỉnh, bổ sung, kéo dài thời gian thực hiện Phương án cánh đồng lớn.

2. Hàng năm, căn cứ vào Phương án cánh đồng lớn được phê duyệt và kế hoạch triển khai, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự toán gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp vào dự toán ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, các ngành, đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định hồ sơ, chứng từ đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

4. Kiểm tra, giám sát, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những vướng mắc, tồn tại trong quá trình tổ chức thực hiện.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định dự toán kinh phí và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn lực tài chính thực hiện các Phương án cánh đồng lớn, kế hoạch cánh đồng lớn trình phê duyệt hàng năm.

2. Chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị có liên quan hướng dẫn, xử lý kịp thời các vướng mắc trong việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện xây dựng cánh đồng lớn trên địa tỉnh; giám sát các nguồn vốn hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách hỗ trợ hàng năm cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân tham gia Phương án cánh đồng lớn.

Điều 13. Kho bạc Nhà nước tỉnh

Hướng dẫn Kho bạc Nhà nước các huyện, thị xã kịp thời phối hợp chuyển tiền hỗ trợ, chi trả đúng đối tượng và báo cáo kinh phí thực hiện chi trả đúng thời gian quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ngành, đoàn thể khác có liên quan

1. Sở Công Thương và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch tỉnh căn cứ Kế hoạch cánh đồng lớn được phê duyệt thực hiện các giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức đại diện nông dân xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm từ các Phương án cánh đồng lớn.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn thực hiện việc giao đất, cho thuê đất và các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông dân, tổ chức đại diện nông dân theo quy định của pháp luật.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tiền Giang chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh bố trí nguồn vốn vay cho các Phương án cánh đồng lớn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên Công sản Hồ Chí Minh: Giám sát, phản biện các hoạt động liên kết, bảo vệ lợi ích hợp pháp

của các bên thực hiện hợp đồng kinh tế trong cánh đồng lớn; Tham gia thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và vận động nông dân hợp tác, liên kết sản xuất, xây dựng cánh đồng lớn; bảo vệ lợi ích hợp pháp của các hội viên trong thực hiện hợp đồng kinh tế của cánh đồng lớn.

5. Liên minh hợp tác xã tham gia cùng các ngành liên quan thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết sản xuất với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác, bảo vệ lợi ích của hội viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào hợp đồng và biên bản nghiệm thu hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản ký giữa doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân với nông dân trong khuôn khổ Phương án cánh đồng lớn thực hiện trên địa bàn xã xác nhận việc thực hiện hợp đồng của nông dân để làm căn cứ cho việc xem xét nông dân được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo Phương án cánh đồng lớn.

2. Tổng hợp các chứng từ hỗ trợ của nông dân gửi Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ra Quyết định hỗ trợ.

3. Căn cứ các Phương án cánh đồng lớn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, xây dựng kế hoạch kinh phí cụ thể hàng năm trước ngày 31 tháng 7 gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn các doanh nghiệp, các tổ chức đại diện của nông dân tham gia thực hiện Phương án cánh đồng lớn tại địa phương.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / *nh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn